

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 933 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống du lịch  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập Quy hoạch ngành quốc gia;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với các nội dung chính sau đây:

1. Tên, thời kỳ, tính chất, đối tượng và phạm vi ranh giới quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Thời kỳ quy hoạch: Quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

c) Tính chất, đối tượng và phạm vi quy hoạch

- Tính chất của quy hoạch: Quy hoạch hệ thống du lịch là quy hoạch ngành quốc gia.

- Đối tượng quy hoạch: Bao gồm sản phẩm du lịch, thị trường du lịch, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch, nguồn nhân lực du lịch, hệ thống cơ sở đào tạo du lịch, tổ chức không gian du lịch.

- Phạm vi quy hoạch: Toàn bộ lãnh thổ đất liền, ven biển và các đảo có tài nguyên du lịch của Việt Nam, có xét đến mối quan hệ quốc tế.

## 2. Quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc lập quy hoạch

### a) Quan điểm lập quy hoạch

- Quy hoạch bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển bền vững kinh tế biển, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được thông qua tại Đại hội XIII của Đảng, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Quy hoạch nhằm Phát triển du lịch bền vững theo hướng tăng trưởng xanh, bảo đảm hài hòa giữa phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy các giá trị tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên văn hóa để xây dựng sản phẩm du lịch mang đậm bản sắc dân tộc; giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, lâu dài; khắc phục được những tồn tại, bất cập, bảo đảm phát huy lợi thế quốc gia, tiềm năng, thế mạnh du lịch của từng vùng, từng địa phương.

### b) Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về định hướng phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; kết nối các ngành, các vùng theo quy hoạch tổng thể quốc gia.

- Tạo công cụ hiệu quả, hiệu lực của Nhà nước để quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn lực cho phát triển du lịch; cơ sở huy động nguồn lực xã hội cho phát triển du lịch;

- Xác định cơ sở định hướng phát triển du lịch cho các vùng, khu vực động lực, khu du lịch quốc gia và khu vực có tiềm năng phát triển du lịch khác trong các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác liên quan đến lĩnh vực du lịch; quản lý, điều hành hoạt động phát triển du lịch, xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển du lịch trung và dài hạn.

### c) Nguyên tắc lập quy hoạch

- Tuân theo quy định của Luật Quy hoạch, Luật Du lịch, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan; đồng bộ giữa Quy hoạch với Chiến lược và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Bảo đảm tính khoa học, dự báo, khả thi và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước; phù hợp với nền tảng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong quản lý phát triển du lịch nhất là công nghệ số; có tính linh hoạt đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ.

- Bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân, doanh nghiệp; sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng.

- Bảo đảm tính liên kết với khu vực và thế giới; giữa các địa phương trong vùng, giữa các vùng trong cả nước; khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối ưu tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương để phát triển sản phẩm du lịch phù hợp với xu hướng và nhu cầu thị trường.

### 3. Nội dung quy hoạch

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống du lịch

- Phân tích, đánh giá về: điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa; hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch và các nguồn lực khác cho phát triển du lịch; tính hiệu quả của việc sử dụng tài nguyên và các nguồn lực khác cho phát triển du lịch; thực trạng ứng dụng thành tựu của khoa học công nghệ trong phát triển du lịch.

- Phân tích, đánh giá vị thế, vai trò và đóng góp của du lịch đối với kinh tế - xã hội; bối cảnh, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện quốc tế tác động đến phát triển du lịch.

- Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch, sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống du lịch quốc gia.

- Đánh giá tổng hợp thực trạng phát triển du lịch Việt Nam.

b) Đánh giá liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển hệ thống du lịch

- Phân tích, đánh giá vai trò, vị trí của du lịch Việt Nam trong khu vực và quốc tế, cũng như trong các khuôn khổ hợp tác quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Phân tích, đánh giá sự kết nối, đồng bộ giữa du lịch trong nước và quốc tế, chú trọng các nước trong khu vực và các thị trường trọng điểm.

- Phân tích đánh giá sự liên kết, phối hợp giữa các vùng, các địa phương trong phát triển du lịch.

- Phân tích, đánh giá sự liên kết giữa phát triển du lịch với kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng năng lượng, hạ tầng môi trường, hạ tầng nông nghiệp, hạ tầng thông tin truyền thông quốc gia.

- Phân tích, đánh giá sự liên kết giữa phát triển du lịch với các ngành, lĩnh vực liên quan.

- Phân tích, đánh giá mối liên kết, hợp tác công tư trong phát triển du lịch.

c) Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống du lịch quốc gia trong thời kỳ quy hoạch

- Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển du lịch trong nước, phù hợp với xu thế phát triển của du lịch khu vực và thế giới.

- Xác định yêu cầu về dự báo các rủi ro, nguy cơ và tác động của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu đối với phát triển du lịch trong thời kỳ quy hoạch.

d) Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với phát triển du lịch; những cơ hội và thách thức phát triển của hệ thống du lịch

- Phân tích, đánh giá cơ hội và thách thức, vai trò và vị thế của ngành du lịch trong tổng thể nền kinh tế quốc dân.

- Xác định nhu cầu phát triển hệ thống du lịch trên cả nước và theo vùng lãnh thổ phù hợp với nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Xác định yêu cầu đánh giá khả năng đáp ứng cơ sở vật chất, kỹ thuật và hạ tầng phục vụ phát triển du lịch so với yêu cầu phát triển.

đ) Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hệ thống du lịch trong thời kỳ quy hoạch

e) Xác định phương án, định hướng phát triển hệ thống du lịch trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ

- Yêu cầu nội dung và định hướng phát triển sản phẩm du lịch.

- Yêu cầu nội dung phát triển thị trường khách du lịch.

- Yêu cầu nội dung định hướng tổ chức không gian phát triển du lịch, hệ thống khu du lịch quốc gia; giải pháp phát triển kiến trúc và cảnh quan.

- Yêu cầu nội dung quản lý hệ thống du lịch từ trung ương đến địa phương, tổ chức hệ thống cơ sở dịch vụ, doanh nghiệp du lịch.

- Yêu cầu nội dung định hướng phát triển nguồn nhân lực du lịch.

- Yêu cầu nội dung định hướng phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch quốc gia khác.

g) Định hướng bố trí sử dụng đất, diện tích mặt nước (ao, hồ, sông, biển) cho phát triển hệ thống du lịch và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến phát triển hệ thống du lịch

- Định hướng bố trí sử dụng đất, diện tích mặt nước cho phát triển hệ thống du lịch.

- Xác định yêu cầu đối với đề xuất các định hướng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xác định yêu cầu đối với đề xuất các định hướng về bảo tồn sinh thái, danh lam thắng cảnh, di tích, di sản có liên quan đến việc phát triển du lịch.

h) Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư cho phát triển du lịch và thứ tự ưu tiên thực hiện

- Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống du lịch quốc gia trong thời kỳ quy hoạch.

- Nguyên tắc xác định danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án.

- Xác định căn cứ dự kiến tổng mức đầu tư và phương án phân kỳ đầu tư.

i) Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

- Giải pháp thực hiện quy hoạch, gồm: Giải pháp về phát triển sản phẩm - thị trường du lịch; giải pháp về xúc tiến, quảng bá du lịch; giải pháp phát triển doanh nghiệp du lịch và nguồn nhân lực du lịch; giải pháp liên kết, hợp tác trong phát triển du lịch; giải pháp phối hợp liên ngành, liên địa phương trong phát triển du lịch; giải pháp về đầu tư phát triển du lịch; giải pháp về cơ chế, chính sách; giải pháp về tổ chức, quản lý; giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và phát triển du lịch; giải pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch, ứng phó với biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng; giải pháp khuyến khích, hỗ trợ cộng đồng tham gia hoạt động du lịch; giải pháp phát triển du lịch gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh và chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho khách du lịch; giải pháp khắc phục tính mùa vụ, kéo dài thời gian lưu trú, tăng khả năng chi tiêu của khách và nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Xác định nguồn lực để thực hiện quy hoạch, gồm: Nguồn lực về tài nguyên du lịch; về hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch;

về con người; về vốn đầu tư; về khoa học công nghệ; về chính sách, thể chế và các nguồn lực khác.

k) Đánh giá môi trường chiến lược: Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với Quy hoạch hệ thống du lịch là nhiệm vụ quan trọng cần thực hiện nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu và được tích hợp trong Báo cáo Quy hoạch.

#### 4. Các phương pháp lập Quy hoạch

a) Các phương pháp chủ yếu lập quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia bảo đảm đáp ứng yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và yêu cầu về tiến độ lập quy hoạch, gồm: Phương pháp điều tra, khảo sát và thu thập thông tin, tài liệu; phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu, bản đồ; phương pháp dự báo; phương pháp tích hợp quy hoạch; phương pháp kế thừa, điều chỉnh, chọn lọc, kinh nghiệm trong nước và quốc tế; phương pháp toán thống kê; phương pháp chuyên gia, hội nghị, hội thảo và tham vấn cộng đồng.

b) Các phương pháp khác: Phân tích hệ thống, so sánh, tương quan, thực nghiệm và các phương pháp phân tích chuyên ngành cũng được sử dụng trong quá trình lập quy hoạch.

#### 5. Thành phần, tiêu chuẩn và quy cách hồ sơ

##### a) Thành phần hồ sơ

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp; báo cáo tóm tắt.

- Hệ thống bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu về quy hoạch (theo quy định về xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch).

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch, bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến về quy hoạch.

- Báo cáo thẩm định của cơ quan thẩm định quy hoạch; bản sao ý kiến của chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan; báo cáo phản biện của tư vấn phản biện độc lập (nếu có).

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định.

##### b) Tiêu chuẩn và quy cách hồ sơ

- Phần hồ sơ văn bản: Báo cáo thuyết minh tổng hợp; báo cáo tóm tắt quy hoạch; dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; các báo cáo thuyết minh chuyên đề được đóng thành quyển, in trên khổ giấy A4.

- Các bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch được in màu, tỷ lệ bản đồ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

- Cơ sở dữ liệu của quy hoạch được thực hiện theo quy định về xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

## 6. Chi phí lập quy hoạch

a) Chi phí lập Quy hoạch hệ thống du lịch được sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Căn cứ Nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống du lịch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, định mức cho hoạt động quy hoạch, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức lập dự toán, thẩm định và quyết định cụ thể chi phí lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Thời hạn lập quy hoạch: Không quá 24 tháng tính từ ngày Nhiệm vụ lập Quy hoạch được phê duyệt.

## 8. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan lập quy hoạch: Do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

- Tổ chức tư vấn lập quy hoạch: Lựa chọn theo quy định của pháp luật.

## Điều 2. Trách nhiệm trong việc tổ chức lập quy hoạch

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan tổ chức lập Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, có trách nhiệm bảo đảm việc triển khai thực hiện các bước theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan. Trong quá trình lập quy hoạch, tùy theo yêu cầu cần nghiên cứu chuyên sâu, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để phục vụ cho công tác lập quy hoạch bảo đảm chất lượng, tiến độ.

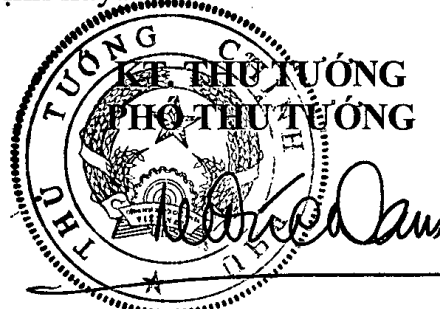
2. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quá trình lập quy hoạch theo quy định của pháp luật và phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

## Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban Chỉ đạo Nhà nước về Du lịch;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,  
TGD Công TTĐT,  
các Vụ: TH, KTTH, CN, NN, QHQT, NC, QHĐP, PL;
- Lưu: VT, KGVX (03).đdt. 73



**Vũ Đức Đam**